

Số: 91/2021/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 10 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022, thời kỳ ổn định 2022 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG KHOÁ XVII KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 3235/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022, thời kỳ ổn định 2022 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022, thời kỳ ổn định 2022 - 2025.

(có quy định kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Khóa XVII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2021. *Đh*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Cao Bằng;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin-Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.



Triệu Đình Lê



QUY ĐỊNH

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022, thời kỳ ổn định 2022 - 2025
(Kèm theo Nghị quyết số: 91/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022, thời kỳ ổn định 2022 - 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan Nhà nước, Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức được Đảng và nhà nước giao nhiệm vụ, các đơn vị cấp tỉnh và các huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện), các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã).
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí phân cấp

1. Kế thừa và phát huy những kết quả đã đạt được của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017 - 2020 và sửa đổi, bổ sung khắc phục những tồn tại, bất cập để đảm bảo mỗi cấp ngân sách được phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể phù hợp với phân cấp quản lý về kinh tế - xã hội.
2. Phân cấp ngân sách phù hợp với định hướng phân cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Luật NSNN) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật NSNN về các chính sách tài chính ngân sách hiện hành; đồng bộ với phân cấp về quản lý kinh tế và xã hội.
3. Đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh trong hệ thống ngân sách chính quyền địa phương để thực hiện các chủ trương lớn, các nhiệm vụ quan trọng của tỉnh, bổ sung cân đối ngân sách và hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện.
4. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi có gắn liền với vai trò, trách nhiệm quản lý của từng cấp chính quyền địa phương nhằm khai thác tối đa nguồn thu, khuyến khích tăng thu tạo quyền chủ động cho chính quyền cấp cơ sở.

5. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp.

Chương II **NỘI DUNG PHÂN CẤP NGUỒN THU**

Điều 4. Các khoản thu điều tiết ngân sách tỉnh 100%

1. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước.
2. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết.
3. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu.
4. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.
5. Thuế bảo vệ môi trường, trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu.
6. Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.
7. Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương.
8. Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu.
9. Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.
10. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh năm trước chuyển sang.
11. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương.
12. Các khoản thu khác của ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Các khoản thu điều tiết ngân sách huyện 100%

1. Thu kết dư ngân sách cấp huyện.
2. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp huyện.
3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh.
4. Các khoản thu khác của ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Các khoản thu điều tiết ngân sách xã 100%

1. Thu kết dư ngân sách cấp xã.
2. Thu chuyển nguồn ngân sách xã.

3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.

4. Các khoản thu khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%) giữa ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 35 của Luật NSNN

1. Thuế giá trị gia tăng, trừ thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Luật NSNN.

2. Thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 35 của Luật NSNN.

3. Thuế thu nhập cá nhân.

4. Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu.

5. Thuế bảo vệ môi trường, trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu được doanh nghiệp kê khai, nộp thuế nhập khẩu.

Điều 8. Các khoản thu phân chia của ngân sách địa phương

1. Thuế tài nguyên, trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí

a) Các doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương, các công ty cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

b) Các thành phần kinh tế còn lại nộp phân chia như sau:

- Cấp tỉnh thu nộp điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

- Cấp huyện thu nộp điều tiết ngân sách huyện 100%.

- Cấp xã thu nộp điều tiết ngân sách xã 100%.

2. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

a) Thu của các tổ chức, doanh nghiệp điều tiết ngân sách huyện 100%.

b) Thu của cá nhân, hộ gia đình điều tiết ngân sách xã 100%.

3. Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước

a) Do đơn vị cấp tỉnh tổ chức, quản lý thu điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

b) Do đơn vị cấp huyện tổ chức, quản lý thu điều tiết ngân sách huyện 100% (khoản này không phân cấp cho xã).

4. Các khoản phí, lệ phí (trừ phí, lệ phí do cơ quan Trung ương thu theo quy định của pháp luật)

a) Lệ phí trước bạ nhà đất điều tiết ngân sách xã 100%:

Đối với địa bàn Thành phố thực hiện phân chia như sau:

- Điều tiết các phường: Phường Hợp Giang cấp phường 5%, Thành phố 95%; Phường Sông Hiến, Đề Thám cấp phường 20%, Thành phố 80%; Phường Sông Bằng cấp phường 50%, Thành phố 50%.

- Các xã, phường còn lại của Thành phố điều tiết cấp xã 100%.

b) Lệ phí môn bài:

- Các doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương, các công ty cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

- Lệ phí môn bài do các thành phần kinh tế còn lại nộp ngân sách nhà nước phân chia như sau:

+ Do cấp tỉnh trực tiếp quản lý thu điều tiết cấp tỉnh 100%.

+ Cấp huyện được điều tiết 100% đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do cấp huyện tổ chức thu.

+ Ngân sách xã được điều tiết 100% đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

c) Các khoản phí, lệ phí còn lại phân chia như sau:

- Cấp tỉnh quản lý thu điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

- Cấp huyện tổ chức thu điều tiết ngân sách huyện 100%.

- Cấp xã tổ chức thu điều tiết ngân sách xã 100%.

5. Thuế giá trị gia tăng (*trong phạm vi ngân sách địa phương được điều tiết theo phân cấp của Trung ương*)

a) Các doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương, các công ty cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nộp điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

b) Thu từ các thành phần kinh tế còn lại được phân chia như sau:

- Do cấp tỉnh trực tiếp tổ chức thu, điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

- Do cấp huyện trực tiếp tổ chức thu, điều tiết ngân sách huyện 100%.

- Do cấp xã trực tiếp tổ chức thu, điều tiết ngân sách xã 100%.

Đối với địa bàn Thành phố thực hiện phân chia như sau:

+ Điều tiết các phường: Phường Hợp Giang cấp phường 5%, Thành Phố 95%; Phường Sông Hiến, Đề Thám cấp phường 10%, Thành phố 90%; Phường Sông Bằng, Ngọc Xuân cấp phường 30%, Thành phố 70%.

+ Các xã, phường còn lại của Thành phố điều tiết cấp xã 100%.

6. Thuế thu nhập doanh nghiệp (*trong phạm vi ngân sách địa phương được điều tiết theo phân cấp của Trung ương*)

a) Các doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương, các công ty cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

b) Thu từ các thành phần kinh tế còn lại phân chia như sau:

- Do cấp tỉnh trực tiếp tổ chức thu, điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

- Do cấp huyện trực tiếp tổ chức thu, điều tiết ngân sách huyện 100%.
- Do cấp xã trực tiếp tổ chức thu, điều tiết ngân sách xã 100%.

Đối với các phường trên địa bàn Thành phố gồm phường Hợp Giang, Sông Hiến, Sông Bằng, Tân Giang, Ngọc Xuân, Đề Thám, Hòa Chung, Duyệt Trung điều tiết 50% cấp phường; 50% cấp Thành phố.

7. Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hoá dịch vụ trong nước (*trong phạm vi ngân sách địa phương được điều tiết theo phân cấp của Trung ương*)

a) Các doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương, các công ty cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

b) Thu từ các thành phần kinh tế còn lại phân chia như sau:

- Do cấp tỉnh trực tiếp thu, điều tiết ngân sách tỉnh 100%.
- Do cấp huyện trực tiếp thu, điều tiết ngân sách huyện 100%.
- Do cấp xã trực tiếp thu, điều tiết ngân sách xã 100%.

8. Thu phạt, tịch thu xử lý vi phạm hành chính và thu khác trong các lĩnh vực. (*Trừ các khoản thu phạt, tịch thu, thu khác của các cơ quan Trung ương thực hiện theo quy định của pháp luật*)

a) Các đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý thu, điều tiết ngân sách cấp tỉnh 100%.

b) Các đơn vị thuộc cấp huyện quản lý thu, điều tiết ngân sách huyện 100%.

c) Các đơn vị thuộc cấp xã quản lý thu, điều tiết ngân sách xã 100%.

9. Thu từ bán tài sản nhà nước, thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước do các đơn vị tổ chức các cấp xử lý. Thu sự nghiệp, thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác

a) Cấp tỉnh tổ chức, quản lý thu, điều tiết ngân sách cấp tỉnh 100%.

b) Cấp huyện tổ chức, quản lý thu, điều tiết ngân sách cấp huyện 100%.

c) Cấp xã tổ chức, quản lý thu, điều tiết ngân sách cấp xã 100%.

10. Thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho các cấp ngân sách. Thu huy động đóng góp từ các tổ chức cá nhân theo quy định của pháp luật.

a) Viện trợ đóng góp cho cấp tỉnh, điều tiết ngân sách cấp tỉnh 100%.

b) Viện trợ đóng góp cho cấp huyện, điều tiết ngân sách cấp huyện 100%.

c) Viện trợ đóng góp cho cấp xã, điều tiết ngân sách cấp xã 100%.

11. Thuế thu nhập cá nhân

a) Các đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý thu, điều tiết ngân sách cấp tỉnh 100%.

b) Các đơn vị thuộc cấp huyện quản lý thu, điều tiết ngân sách huyện 100%.

c) Các đơn vị thuộc cấp xã quản lý thu, điều tiết ngân sách xã 100%.

Đối với địa bàn Thành phố thực hiện phân chia như sau:

- Điều tiết các phường: Phường Hợp Giang cấp phường 5%, Thành Phố 95%; Phường Sông Hiến, Đề Thám cấp phường 20%, Thành phố 80%; Phường Sông Bằng, Ngọc Xuân cấp phường 30%, Thành Phố 70%.

- Các xã, phường còn lại của Thành phố điều tiết 100% cấp xã.

12. Thu tiền sử dụng đất

a) Thu tiền sử dụng đất từ: đầu giá quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Số thu nộp ngân sách nhà nước được điều tiết về ngân sách tỉnh để trích Quỹ phát triển đất 10%, trích 6% để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Sau khi trích Quỹ phát triển đất, công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, phần còn lại được coi là 100%, phân chia như sau:

+ Địa chỉ đất, dự án đô thị do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện, điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

+ Địa chỉ đất, dự án đô thị trên địa bàn thành phố Cao Bằng do Thành phố thực hiện điều tiết ngân sách Thành phố 10%, ngân sách tỉnh 90%.

+ Địa chỉ đất, dự án đô thị trên địa bàn các huyện do các huyện thực hiện, điều tiết ngân sách huyện 30%, ngân sách tỉnh 70%.

+ Địa chỉ đất, dự án đô thị trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

- Đối với các dự án tạo quỹ đất sạch vay Quỹ phát triển đất để thực hiện dự án phải thực hiện trả nợ trước khi tính trích Quỹ phát triển đất, công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện điều tiết theo quy định trên.

b) Thu sắp xếp, xử lý lại nhà đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, sau khi thực hiện thanh toán chi phí theo quy định, thực hiện điều tiết ngân sách tỉnh 100% và để thực hiện chi theo quy định.

c) Thu từ bán tài sản trên đất và quyền sử dụng đất không thuộc khoản thu sắp xếp, xử lý lại nhà đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021, điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

Chương III NỘI DUNG PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI

Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư cho các dự án do cấp tỉnh trực tiếp quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính do cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác do cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật;

d) Chi quy hoạch đô thị và các quy hoạch khác theo chương trình của tỉnh.

2. Chi thường xuyên

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề do cấp tỉnh quản lý;

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ do cấp tỉnh quản lý;

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội: phần giao cấp tỉnh quản lý;

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình do cấp tỉnh quản lý;

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin do cấp tỉnh quản lý;

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình do cấp tỉnh quản lý;

g) Sự nghiệp thể dục thể thao do cấp tỉnh quản lý;

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường do cấp tỉnh quản lý;

i) Các hoạt động kinh tế do cấp tỉnh quản lý;

k) Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý;

l) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của nhà nước do cấp tỉnh thực hiện;

m) Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại khoản 9 Điều 9 Luật NSNN;

n) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ vay

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh

5. Chi bổ sung cho ngân sách cấp huyện

6. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh

Điều 10. Nhiệm vụ chi đối với ngân sách cấp huyện

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư cho các dự án do cấp huyện trực tiếp quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính do cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác do cấp huyện thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề do cấp huyện quản lý;

b) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội: Phần giao cấp huyện quản lý;

c) Sự nghiệp văn hóa thông tin do cấp huyện quản lý;

d) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình do cấp huyện quản lý;

đ) Sự nghiệp thể dục thể thao do cấp huyện quản lý;

e) Sự nghiệp bảo vệ môi trường do cấp huyện quản lý;

g) Các hoạt động kinh tế do cấp huyện quản lý;

h) Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật do cấp huyện quản lý;

i) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của nhà nước do cấp huyện thực hiện;

k) Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước;

l) Chi thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước;

m) Các khoản chi khác theo quy định.

3. Chi bổ sung cho ngân sách xã

4. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp huyện

Điều 11. Nhiệm vụ chi đối với ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển

Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo phân cấp Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý.

2. Chi thường xuyên

- a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề do cấp xã quản lý;
 - b) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội: Phân giao cấp xã quản lý;
 - c) Sự nghiệp văn hóa thông tin do cấp xã quản lý;
 - d) Sự nghiệp thể dục thể thao do cấp xã quản lý;
 - đ) Sự nghiệp bảo vệ môi trường do cấp xã quản lý;
 - e) Các hoạt động kinh tế do cấp xã quản lý như bảo dưỡng, sửa chữa các công trình kết cấu hạ tầng, các hoạt động kinh tế khác do cấp xã quản lý theo phân cấp;
 - g) Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý;
 - h) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của nhà nước do cấp xã thực hiện;
 - i) Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước;
 - k) Các khoản chi khác theo quy định.
3. Chi chuyên nguồn ngân sách cấp xã. / *Jn*